

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27-7-2023

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Huỳnh Văn Hiền
- Bà Nguyễn Thị Thu Dung

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức Tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Anh Lê Tuấn S, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Bích N trình bày: Chị N và anh Lê Tuấn S có tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M vào ngày 23/9/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, anh S không tin tưởng chị N, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã; có lần anh S đánh chị N và đập phá tài sản trong gia đình; hiện tại vợ

chồng đã sống ly thân nhau một thời gian, phần ai người đó sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Tuấn S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Bích N1, sinh ngày 13/6/2018, hiện đang sống với anh S. Khi ly hôn chị N đồng ý giao con chung cho anh S nuôi dưỡng; chị N không cấp dưỡng cho con

Về tài sản chung và nợ chung: chị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2023, ngày 26/7/2023 và tại phiên tòa, bị đơn Lê Tuấn S trình bày: Anh S thống nhất về quan hệ hôn nhân như chị N trình bày. Anh S xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã với nhau, sống không hạnh phúc; có lần anh S đánh chị N và đập phá tài sản trong gia đình. Tuy nhiên, anh S cho rằng mâu thuẫn không nghiêm trọng và anh S còn thương vợ; anh S mong muốn động viên vợ về đoàn tụ chung sống nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị N trình bày. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh S yêu cầu được nuôi con chung, anh S không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích N; cho chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Lê Tuấn S;

+ Về con chung: Giao con chung là Lê Bích N1, sinh ngày 13/6/2018 cho anh Lê Tuấn S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị N không cấp dưỡng cho con

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Ngoài ra các đương sự chịu án phí dân sự theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*” với bị đơn

anh Lê Tuấn S có địa chỉ nơi cư trú tại: thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Tuấn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 23 tháng 9 năm 2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích N và anh Lê Tuấn S là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích N, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị N và anh S tự nguyện kết hôn với nhau nhưng quá trình chung sống lại phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, có lần anh S đánh chị N và đập phá tài sản trong gia đình. Anh S cho rằng mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày là đúng, nhưng anh S cho rằng mâu thuẫn là không nghiêm trọng và anh còn thương chị N, anh S mong muốn vợ chồng được đoàn tụ chung sống nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh S không có giải pháp, phương án khả thi để vợ chồng có thể hòa giải, khắc phục mâu thuẫn, tiếp tục chung sống với nhau. Đồng thời cũng bỏ mặc, không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tiến hành. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân, cuộc sống của ai người ấy lo, không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán đã động viên chị N về đoàn tụ chung sống cùng với anh S nhưng chị N không đồng ý và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Từ những nhận định nêu trên, đã đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Tuấn S là có căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng cho con:

Chị Ngọc và anh Sơn có 01 (một) con chung là Lê Bích N1, sinh ngày 13/6/2018. Xét yêu cầu của chị N và anh S về con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung chỉ ai nuôi dưỡng cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển một cách toàn diện cả về thể chất, lẫn tinh thần cho con; trong đó, cần xét đến tính ổn định về môi trường sống, sinh hoạt và học tập của con. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay thì cháu Lê Bích N1 sống với anh S, phát triển bình thường và anh S vẫn bảo đảm quyền thăm nom chăm sóc cho cháu N1 của chị N. Mặt khác, tại phiên tòa chị N cũng đồng ý giao cháu N1 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu N1 cho anh S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng cho con: Anh Lê Tuấn S không yêu cầu chị Ngọc cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh S trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005388 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn anh Lê Tuấn S

1.2. Về con chung: Giao con chung là Lê Bích N1, sinh ngày 13/6/2018 cho anh Lê Tuấn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Bích N không cấp dưỡng cho con

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005388 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- **UBND xã Đức Phong;**
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sang

